* **Model lưu trữ giá trị khóa (no SQL key value model):** Kiểu lưu trữ dữ liệu phi quan hệ, mỗi mục (item) được lưu trữ dưới dạng một tập các trường (field) và được xác định duy nhất bởi một khóa (key).
* **Có thể mở rộng (scalable):** Có khả năng mở rộng dung lượng lưu trữ để đáp ứng nhu cầu.
* **Lưu trữ đám mây (cloud storage):** Lưu trữ dữ liệu trên hạ tầng đám mây.
* **Tài khoản lưu trữ Azure (Microsoft Azure storage account):** Tài khoản dùng để truy cập các dịch vụ lưu trữ của Microsoft Azure.
* **Bảng Azure Table Storage (Azure Table Storage table):** Bảng lưu trữ dữ liệu trong Azure Table Storage.
* **Hàng (row):** Dòng dữ liệu trong bảng Azure Table Storage.
* **Cột (column):** Trường dữ liệu trong bảng Azure Table Storage.
* **Bình thường hóa dữ liệu (normalized data):** Dữ liệu được tổ chức thành các bảng liên quan với nhau để tránh trùng lặp.
* **Không bình thường hóa dữ liệu (de-normalized data):** Dữ liệu được lưu trữ lặp lại trong các bảng khác nhau để cải thiện hiệu suất truy vấn.
* **Thực thể logic (logical entity):** Một đơn vị dữ liệu logic (ví dụ: một khách hàng).
* **Giải pháp Internet vạn vật (Internet of Things - IoT):** Hệ thống kết nối các thiết bị có khả năng thu thập và truyền dữ liệu qua mạng.
* **Giám sát theo thời gian thực (real-time monitoring):** Theo dõi và thu thập dữ liệu liên tục.
* **Kiểm soát chất lượng sản phẩm (product quality control):** Quá trình đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt yêu cầu.
* **Nhật ký sự kiện (event log):** Bản ghi các sự kiện diễn ra trong hệ thống.
* **Dữ liệu hiệu suất (performance data):** Dữ liệu liên quan đến hiệu suất hoạt động của hệ thống.
* **Phân vùng (partition):** Nhóm các hàng trong bảng Azure Table Storage có cùng một giá trị khóa phân vùng (partition key).
* **Khóa phân vùng (partition key):** Giá trị dùng để xác định phân vùng chứa một hàng trong bảng Azure Table Storage.
* **Khóa hàng (row key):** Giá trị dùng để xác định duy nhất một hàng trong cùng phân vùng của bảng Azure Table Storage.
* **Truy vấn điểm (point query):** Truy vấn dữ liệu để lấy một hàng duy nhất.
* **Truy vấn khoảng (range query):** Truy vấn dữ liệu để lấy một nhóm các hàng liên tiếp.
* **Chỉ mục cụm (clustered index):** Kiểu sắp xếp dữ liệu giúp cải thiện hiệu suất truy vấn theo khóa.
* **Dữ liệu nhị phân (binary data):** Dữ liệu được biểu diễn dưới dạng các bit (0 hoặc 1).
* **Lợi thế (advantages):** Ưu điểm.
* **Nhược điểm (disadvantages):** Nhược điểm.
* **Tính nhất quán (consistency):** Trạng thái dữ liệu luôn chính xác và đồng bộ trên tất cả các bản sao.
* **Cập nhật giao dịch (transactional update):** Cập nhật dữ liệu đảm bảo tính toàn vẹn (hoàn thành hoặc không thực hiện).
* **Tính toàn vẹn tham chiếu (referential integrity):** Quy tắc đảm bảo tính chính xác của các mối quan hệ giữa các bảng trong cơ sở dữ liệu quan hệ.
* **Lọc dữ liệu (filter data):** Chọn lọc các hàng dữ liệu thỏa mãn một điều kiện nhất định.
* **Sắp xếp dữ liệu (sort data):** Sắp xếp các hàng dữ liệu theo một thứ tự nhất định.
* **Dung lượng lưu trữ (storage capacity):** Tổng dung lượng lưu trữ có sẵn.
* **Sao chép dữ liệu (replication):** Sao chép dữ liệu ra nhiều bản sao để đảm bảo tính sẵn sàng và phục hồi dữ liệu.
* **Khôi phục dữ liệu (data recovery):** Phục hồi dữ liệu từ các bản sao lưu trữ.
* **Điều khiển truy nhập dựa trên vai trò (role-based access control - RBAC):** Kiểm soát quyền truy cập dữ liệu dựa trên vai trò của người dùng hoặc ứng dụng.